

NGHIÊN CỨU HIỆU QUẢ ĐIỀU TRỊ BỆNH TRỨNG CÁ THỂ THÔNG THƯỜNG BẰNG BÔI SAPIZO VÀ UỐNG DOXYCYCLIN

ThS. NGUYỄN DUY THÀNH
PGS.TS. TRẦN ĐĂNG QUYẾT,
ThS. NGÔ VĂN HÒA - Bệnh viện Quân y 103
Phản biện khoa học: PGS.TS ĐẶNG VĂN EM
Chủ nhiệm Bộ môn Da liễu,
Viện nghiên cứu Y dược lâm sàng 108

TÓM TẮT: Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng 521 bệnh nhân bệnh trứng cá thể thông thường; đánh giá hiệu quả điều trị bằng bôi thuốc Sapizo kết hợp uống Doxycyclin trên 30 bệnh nhân có bệnh mức độ nhẹ và trung bình, so sánh với nhóm đối chứng 30 bệnh nhân điều trị bằng bôi Oxy5 kết hợp uống Doxycyclin liều tương tự. Kết quả: bệnh nhân gặp nhiều ở lứa tuổi từ 15-24 tuổi (66,6%), sống ở thành phố (86,7%), có tiền sử gia đình (58,3%); tổn thương chủ yếu ở vùng mặt (100%), lưng (38,3%) và ngực (28,3%); 100% bệnh nhân có biểu hiện da nhờn ở các mức độ khác nhau. Hiệu quả điều trị ở hai nhóm nghiên cứu là tương đương nhau, trong đó tác dụng không mong muốn khô da ít gặp ở nhóm nghiên cứu hơn so với nhóm đối chứng.

Từ khóa: Bệnh trứng cá, Sapizo, Oxy5, Doxycyclin.

ABSTRACT: Study on the clinical characteristics of 521 patients with simplex acne. Evaluate the effect of treatment by method of external medication Sapizo combined with Doxycyclin in 30 patients with mild and moderate level and comparison with the control group of 30 patients treated with Oxy5 combined with Doxycyclin in similar doses. Results: Almost patients at the age of 15-24 years (66.6%), lived in the city (86.7%), had a family history (58.3%); lesions mostly in the face (100%), back (38.3%) and chest (28.3%); 100% of patients have oily skin with different levels. The effect of treatment in the two study groups was similar, in which unwanted effect dry skin less observed in the study group than in the control group.

Keywords: Simplex acne, Sapizo, Oxy5, Doxycyclin.

Chịu trách nhiệm nội dung: ThS. Nguyễn Duy Thành, Email: bsthanhderma@gmail.com

Ngày nhận bài: 21/12/2017; mời phản biện khoa học: 20/01/2018; chấp nhận đăng: 05/3/2018.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ.

Bệnh trứng cá là một bệnh da thường gặp ở độ tuổi thanh - thiếu niên (từ 13-25 tuổi), khởi đầu ở tuổi dậy thì, tăng dần theo tuổi, tập trung ở lứa tuổi 14-19, sau 20 tuổi thì bắt đầu thuyên giảm. Đây là bệnh không nguy hiểm, tiến triển dai dẳng từng đợt. Bệnh thường biểu hiện ở mặt, gây ảnh hưởng đến tâm lý và chất lượng sống của người bệnh. Hiểu rõ cơ chế bệnh sinh, đặc điểm lâm sàng, diễn biến bệnh là cơ sở vững chắc để ứng dụng những phương pháp điều trị hiệu quả.

Trên thị trường, hiện có nhiều loại thuốc bôi được sử dụng phối hợp trong các liệu trình điều trị bệnh trứng cá. Sapizo có thành phần chủ yếu từ thảo dược (azadirachtaindica leaf powder, nghệ vàng, đu đủ, dịch chiết lô hội) và một số hoạt chất kháng khuẩn khác. Thuốc Sapizo mới được đưa vào sử dụng điều trị bệnh trứng cá tại nước ta và hiện chưa có nghiên cứu nào đánh giá một cách hệ thống về tác dụng của thuốc.

Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài này nhằm 2 mục tiêu:

- Mục tiêu 1: khảo sát một số đặc điểm lâm sàng bệnh nhân (BN) bệnh trứng cá thể thông thường tại Khoa Da liễu, Bệnh viện Quân y 103.

- Mục tiêu 2: đánh giá hiệu quả điều trị bệnh trứng cá thể thông thường mức độ nhẹ và vừa bằng thuốc bôi Sapizo kết hợp uống Doxycyclin, so sánh với nhóm đối chứng.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.

2.1. Đối tượng nghiên cứu:

- Với mục tiêu 1: 521 BN chẩn đoán và được điều trị bệnh trứng cá thể thông thường, tại Phòng khám Da liễu, Bệnh viện Quân y 103, từ tháng 9/2016-6/2017.

- Với mục tiêu 2: 60 BN bệnh trứng cá thể thông thường mức độ nhẹ và vừa (chọn trong số các BN nêu trên).

2.2. Phương pháp nghiên cứu:

- Mục tiêu 1: phương pháp tiến cứu, mô tả cắt ngang. Tất cả 521 BN đủ tiêu chuẩn được thu thập thông tin theo mẫu phiếu nghiên cứu thống nhất.

- Mục tiêu 2: phương pháp tiến cứu, thử nghiệm lâm sàng ngẫu nhiên có đối chứng. 60 BN từ trên 15 tuổi, bệnh trứng cá thông mức độ vừa và trung bình, chấp nhận tham gia nghiên cứu, được chia ngẫu nhiên thành 2 nhóm:

+ Nhóm nghiên cứu: 30 BN, điều trị theo phác đồ Sapizo bôi 3 lần/ngày và Doxycyclin 100mg, uống 2 viên/ngày, chia 2 lần, trong 4 tuần.

+ Nhóm đối chứng: 30 BN, điều trị theo phác đồ Doxycyclin bôi 1 lần/ngày và Doxycyclin 100mg, uống 2 viên/ngày, chia 2 lần, trong 4 tuần.

Loại trừ các BN dị ứng bất cứ thành phần nào của thuốc; BN đang có thai hoặc cho con bú; suy chức năng gan, suy thận, suy tim, có tiền sử viêm ruột, viêm loét đại tràng, viêm đại tràng giả mạc; BN không có khả năng trả lời câu phỏng vấn; BN làm việc ngoài nắng hay tiếp xúc với ánh nắng; BN không tuân thủ chế độ điều trị.

- Thuốc sử dụng trong nghiên cứu

+ Sapizo cream: thành phần gồm azadirachta indica leaf powder, nghệ vàng, đu đủ, dịch chiết lô hội, phèn chua, lưu huỳnh, boric acid và tá dược; trọng lượng: 25g; số đăng kí: 102525/15/CBMP-QLD; do hãng A HAAN HEAL THCare, LTD Ấn Độ sản xuất.

+ Oxy 5 cream: thành phần gồm benzoperoxyl 5%; trọng lượng: 10g; do công ty TNHH ROHTO-MENTHOLATUM, Việt Nam sản xuất; số đăng kí VD-13694-10.

+ Doxycyclin: hàm lượng 100 mg/viên nang.

- Chỉ tiêu nghiên cứu:

+ Đặc điểm lâm sàng và các yếu tố liên quan: tuổi, giới tính; vị trí tổn thương; vị trí tổn thương; vị trí địa lý.

+ Kết quả điều trị: đánh giá hiệu quả điều trị dựa trên sự thay đổi số lượng các thương tổn không viêm và viêm sau 4 tuần điều trị của từng nhóm, so sánh 2 nhóm với nhau; tác dụng không mong muốn.

Đánh giá kết quả điều trị theo 4 mức: tốt (tổng số thương tổn giảm $\geq 75\%$); khá ($50\% \leq$ tổng số thương tổn giảm $< 75\%$); trung bình ($25\% \leq$ tổng số thương tổn giảm $< 50\%$); kém (tổng số thương tổn giảm $< 25\%$).

- Xử lý số liệu theo phương pháp thống kê sử dụng trong nghiên cứu y sinh học.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN.

3.1. Đặc điểm lâm sàng và các yếu tố liên quan:

Bảng 1. Tuổi và giới tính (n = 521).

Đặc điểm		Số BN	Tỉ lệ
Tuổi	15-19 tuổi	74	14%
	20-24 tuổi	274	52,6%
	25-29 tuổi	63	12,1%
	> 29 tuổi	110	21,2%
Giới tính	Nam giới	273	52,4%
	Nữ giới	248	47,6%

Đa số BN ở độ tuổi từ 15-24 (66,6%), phù hợp với nghiên cứu của Shen Y và cộng sự [1]. Do ở lứa tuổi này, các tuyến nội tiết hoạt động mạnh (đặc biệt, tăng tiết các hormon sinh dục); đồng thời, sự bài tiết chất bã cũng đạt đỉnh cao ở tuổi trưởng thành.

BN là nam giới chiếm tỉ lệ 52,4%, xấp xỉ với tỉ lệ BN nữ (47,6%); phù hợp với nhiều nghiên cứu khác, như WeiB và cộng sự (trong số 2.920 thanh niên bị trứng cá thể thông thường, nam giới chiếm 52,7% và nữ giới là 47,4% [2]).

Bảng 2. Phân bố BN theo vị trí tổn thương (n = 521).

Vị trí tổn thương	Số BN	Tỉ lệ
Mặt	521	100%
Lưng	199	38,3%
Ngực	147	28,3%
Vị trí khác	87	16,7%

Vị trí chiếm tỉ lệ cao nhất là mặt (100%), tiếp đến là lưng (38,3%), ngực (28,3%); ít gặp nhất là các vị trí khác (16%). Kết quả của chúng tôi phù hợp với nghiên cứu của các tác giả trong nước, như Vũ Văn Tiến [3], Nguyễn Thị Minh Hồng [4].

Tuyến bã có vai trò quan trọng trong hình thành bệnh trứng cá. Về nguyên tắc, ở đâu có tuyến bã ở đấy có nguy cơ bị bệnh trứng cá. Vùng nào có mật độ tuyến bã cao sẽ có nguy cơ mắc trứng cá hơn những vùng có mật độ tuyến bã thấp. Da đầu, mặt, ngực, lưng, tăng sinh môn có số lượng tuyến bã cao nhất với 400-900 cái/10 cm²; các vùng còn lại khoảng 100 cái/10 cm²; lòng bàn tay-bàn chân không có tuyến bã. Da vùng mặt có số lượng tế bào tuyến bã nhiều nhất, tế bào tuyến bã lại có thể tích lớn hơn, tuyến bã phát triển gấp 5 lần ở các nơi khác. Đó là lý do tại sao trứng cá hay mọc ở mặt ngực lưng so với vị trí khác. Tuyến bã ở những vùng da khác nhau đáp ứng với nội tiết tố khác nhau. Tuyến bã ở chi dưới đáp ứng với androgen rất thấp hoặc không đáp ứng. Trong khi đó, ở mặt, tuyến bã lại đáp ứng với androgen rất mạnh. Chính vì 2 lý do trên, khiến trứng cá hay mọc nhất ở mặt (2 gò má, trán, xung quanh miệng), ngực, lưng.

Bảng 3. Tiền sử gia đình (n = 521).

Tiền sử gia đình	Số BN	Tỷ lệ	p
Có người bị trứng cá	304	58,3%	> 0,05
Không có người bị trứng cá	217	41,7%	

Yếu tố tiền sử gia đình trong bệnh trứng cá thông thường đã được nhiều tác giả nghiên cứu và khẳng định. Chúng tôi gặp 58,3% BN tiền sử gia đình có người bị bệnh trứng cá. Các nghiên cứu khác ở trong nước cũng cho kết quả tương tự, như Nguyễn Thị Minh Hồng (50,9%); Vũ Văn Tiến (45,8%), Hoàng Ngọc Hà (47,1%).

Bảng 4. Vị trí địa lý (n = 521).

Nơi sống	Số BN	Tỷ lệ	p
Thành phố	452	86,7%	< 0,05
Nông thôn	69	13,3%	

Trong nghiên cứu của chúng tôi, số BN sống ở thành phố là 86,7%, còn nông thôn là 13,3%; sự khác biệt là có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Có thể do Bệnh viện 103 là bệnh viện tuyến cuối của quân đội, có uy tín với chất lượng khám chữa bệnh, đóng quân ở địa bàn Hà Nội nên những người sống ở thành thị có nhiều điều kiện để tiếp cận hơn.

Bảng 5. Liên quan trứng cá và da nhờn (n = 521).

Da nhờn	Nhẹ	Trung Bình	Nặng	Số BN
Ít	14	174	44	232 (45%)
Nhiều	19	199	69	289 (55%)

Nghiên cứu của chúng tôi thấy, 100% BN có biểu hiện da nhờn ở các mức độ khác nhau, trong đó, 45% BN da nhờn ít và 55% BN da nhờn nhiều. Tuy nhiên, chúng tôi không tìm được mối liên quan giữa mức độ bệnh và mức độ da nhờn.

3.2. Kết quả điều trị:

Bảng 6. Kết quả điều trị.

Kết quả điều trị	Nhóm nghiên cứu	Nhóm đối chứng
Tốt	1 (3,3%)	0 (0%)
Khá	20 (66,7%)	16 (3,3%)
Trung bình	8 (26,7%)	13 (3,3%)
Kém	1 (3,3%)	1 (3,3%)

Sau 4 tuần điều trị, kết quả khá ở nhóm nghiên cứu là 66,7%, cao hơn ở nhóm đối chứng (tỷ lệ 53,3%); kết quả trung bình ở nhóm nghiên cứu (26,7%) thấp hơn ở nhóm đối chứng (43,3%); tuy nhiên, sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê.

Bảng 7. Tác dụng không mong muốn (TDKMM) của liệu trình điều trị.

TDKMM	Nhóm nghiên cứu	Nhóm đối chứng	p
Đỏ da	6,7%	10%	> 0,05
Khô da	10%	20%	< 0,05
Tróc vảy da	6,7%	10%	> 0,05
Rát	6,7%	6,7%	> 0,05

Trong suốt 4 tuần điều trị, những tác dụng không mong muốn của thuốc ở 2 nhóm như đỏ da, tróc vảy, rát, khác biệt không có ý nghĩa thống kê. Tuy nhiên, có sự khác biệt ở tác dụng không mong muốn khô da khi điều trị bằng Sapizo.

4. KẾT LUẬN.

Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng 521 BN bệnh trứng cá thể thông thường, đánh giá hiệu quả điều trị bằng bôi thuốc Sapizo kết hợp uống Doxycyclin trên 30 BN bệnh mức độ nhẹ và trung bình, so sánh với nhóm đối chứng 30 BN điều trị bằng bôi Oxy5 kết hợp uống Doxycyclin liều tương tự, kết quả:

- BN gặp nhiều ở lứa tuổi từ 15-24 tuổi (66,6%); tổn thương chủ yếu ở vùng mặt (100%), lưng (38,3%) và ngực (28,3%). 58,3% BN có tiền sử gia đình. 86,7% BN sống ở thành phố. 100% bệnh nhân có biểu hiện da nhờn ở các mức độ khác nhau, tuy nhiên, không tìm được mối liên quan giữa mức độ bệnh và mức độ da nhờn.

- Hiệu quả điều trị ở hai nhóm BN nghiên cứu là tương đương nhau, trong đó, tác dụng không mong muốn khô da ít gặp ở nhóm nghiên cứu hơn so với nhóm đối chứng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Shen Y, Wang T, Zhou C et al (2012), "Prevalence of acnes vulgaris in Chinese adolescents and adults: a community-based study of 17.345 subjects in six cities", *Acta Derm Venereol*, 92 (1), 40-4.
- Wei B, Pang Y, Zhu H, et al (2010), "The epidemiology of adolescent acnes in North East China", *J Eur Acad Dermatol Venereol*, 24 (8), 953-7.
- Vũ Văn Tiến (2002), *Tình hình đặc điểm lâm sàng và lượng 17-cetosteroid trong nước tiểu bệnh nhân trứng cá thông thường nam giới*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Quân y.
- Nguyễn Thị Minh Hồng (2008), *Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và đánh giá hiệu quả điều trị bệnh trứng cá thông thường bằng Vitamin A acid tại Viện Da liễu Quốc gia*, Luận văn bác sĩ chuyên khoa II, Đại học Y Hà Nội. □